

BÁO CÁO VĨ MÔ

THÁNG 06-2026

Chuyên viên Phân tích

Mai Trung Nghĩa Email: nghiamt@vikkibanks.vn

Nhân viên Phân tích

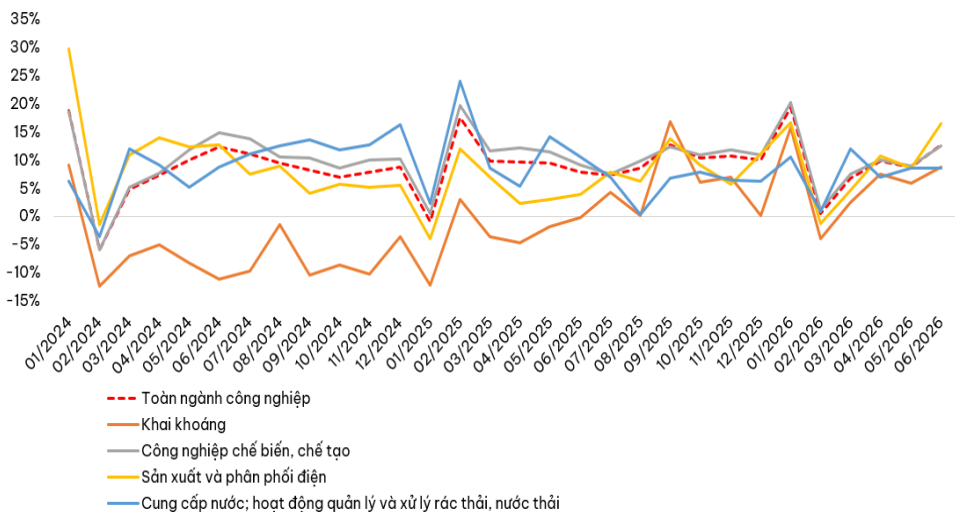
Tạ Thanh Hoàn Như Email: nhutth@vikkibanks.vn

TÓM TẮT SỰ KIỆN

Chủ đề	Sự kiện/Chỉ tiêu	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô Việt Nam	Chỉ số IIP tăng trưởng	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP trong 6 tháng đầu năm 2026 tăng 10,8% YoY, cao nhất kể từ năm 2019. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ ngành chế biến, chế tạo với mức tăng 11,4%, đóng góp 8,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,6%, phản ánh nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp duy trì đà phục hồi tích cực.	Tích cực
	Dòng vốn FDI tiếp tục khởi sắc	FDI trong 6 tháng đầu năm với tổng vốn đăng ký đạt 34,65 tỷ USD (+61% YoY), trong đó ngành chế biến, chế tạo tiếp tục thu hút 63% tổng vốn đăng ký mới và điều chỉnh. Trong khi đó, vốn FDI thực hiện đạt 13,03 tỷ USD (+11,2% YoY), mức cao nhất trong 5 năm, cho thấy tiến độ giải ngân tiếp tục được duy trì tích cực.	Tích cực
	Tăng trưởng GDP duy trì bức phá	GDP trong quý 2 tăng 8,39% so với cùng kỳ khi đà phục hồi của nền kinh tế đang tiếp tục duy trì. Đáng chú ý, trong 6 tháng đầu năm, ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ đóng góp lần lượt 47,2% và 47,1% vào mức tăng chung. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn thấp hơn khoảng 1,52 điểm phần trăm so với mục tiêu cả năm của Chính phủ.	Tích cực
	CPI tháng 6 hạ nhiệt	Áp lực lạm phát gia tăng trong 6 tháng đầu năm khi CPI bình quân tăng 4,38% YoY. Động lực chính đến từ nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4,79%) cùng nhóm nhà ở, điện nước và vật liệu xây dựng (+6,72%) do giá thực phẩm, chi phí thuê nhà, điện và vật liệu xây dựng tăng. Trong khi đó, lạm phát cơ bản tăng 4,12%, thấp hơn CPI chung, cho thấy áp lực lạm phát chủ yếu đến từ biến động giá các mặt hàng năng lượng và thực phẩm.	Trung lập
Vĩ mô thế giới	Triển vọng kinh tế toàn cầu cần chú ý	Dù căng thẳng Trung Đông đã hạ nhiệt nhưng gián đoạn tại eo biển Hormuz trước đó đã tạo ra độ trễ với nguồn cung năng lượng. Trong bối cảnh đó, OECD ước tính lạm phát toàn cầu sẽ lên 4% và tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 2,8% vào năm 2026.	Tiêu cực

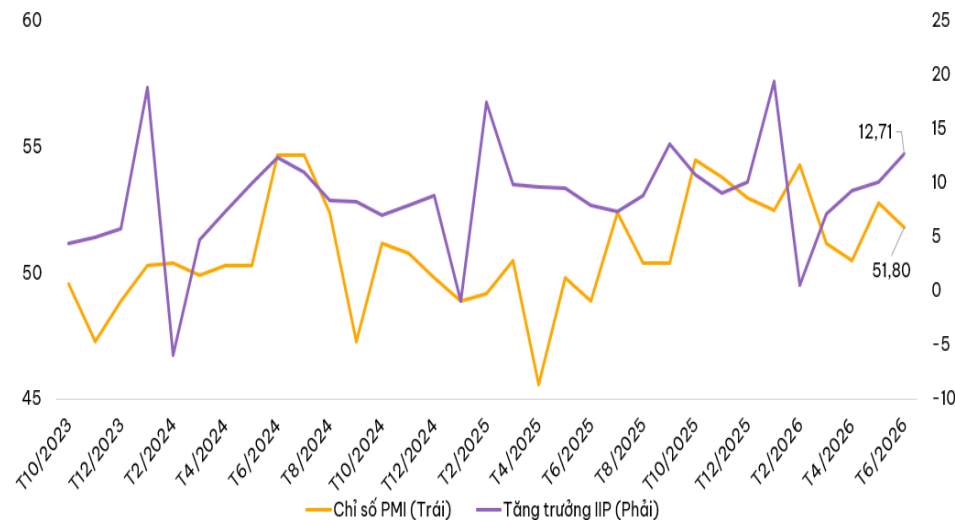


Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

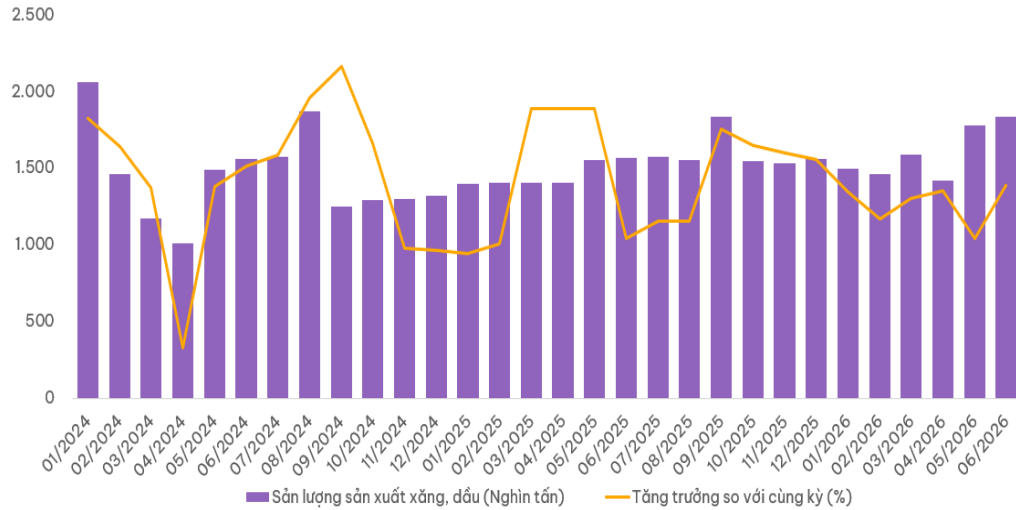
Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm

Chỉ tiêu	Tăng trưởng		
	Tháng 5 năm 2026 (YoY)	Tháng 6 năm 2026 (YoY)	6 tháng đầu năm 2026 (YoY)
Sản xuất kim loại	21,75%	27,26%	21,48%
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	9,32%	4,03%	14,76%
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	5,29%	2,86%	4,06%
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	8,04%	11,98%	14,93%
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	17,76%	36,00%	23,71%
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	15,64%	15,27%	11,78%
Sản xuất đồ uống	12,78%	16,60%	15,35%
Sản xuất, chế biến thực phẩm	8,36%	11,87%	11,07%
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	11,41%	12,08%	10,88%
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	7,99%	17,21%	9,91%
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	15,54%	16,92%	12,62%
Dệt	9,62%	13,02%	9,95%
Sản xuất thiết bị điện	8,85%	5,86%	6,00%
Sản xuất phương tiện vận tải khác	11,72%	6,63%	14,97%

Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

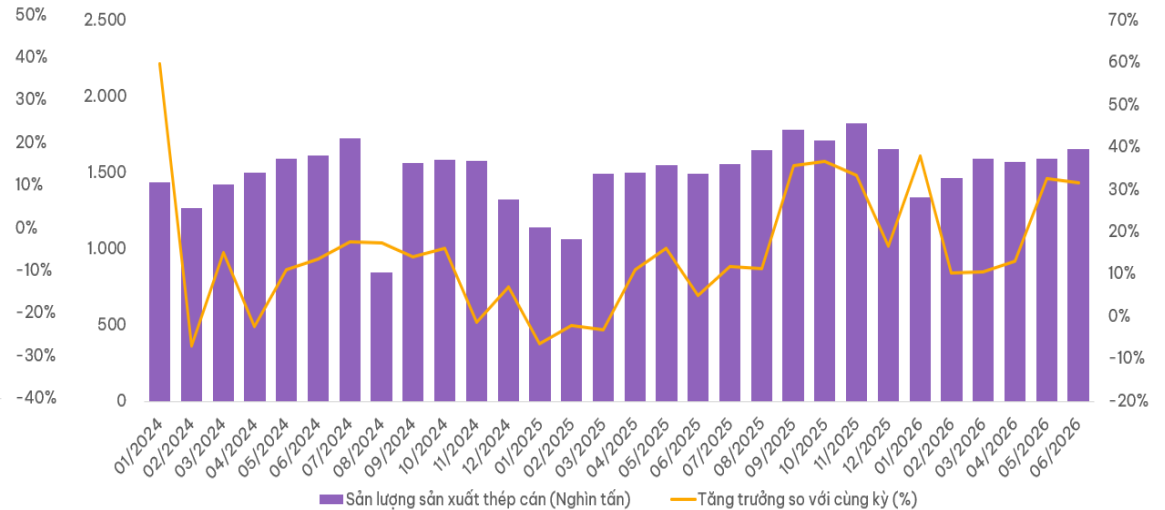
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong quý II/2026, ước tăng 11,2% so với cùng kỳ, phản ánh sự cải thiện đồng đều của hoạt động sản xuất trên nhiều lĩnh vực. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 11,3% YoY, tiếp tục giữ vai trò đầu tàu của khu vực công nghiệp. Bên cạnh đó, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,4% YoY, ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,3% YoY, trong khi ngành khai khoáng ghi nhận mức tăng 7,0% YoY. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, IIP ước tăng 10,8% so với cùng kỳ, đánh dấu mức tăng cao nhất kể từ năm 2019, cho thấy khu vực sản xuất tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nhu cầu trong nước và hoạt động xuất khẩu duy trì khả quan.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 6/2026 đạt 51,8 điểm, giảm so với mức 52,8 của tháng trước. Nhưng vẫn duy trì trên mức 50 cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất vẫn duy trì tích cực cùng với điều kiện kinh doanh được cải thiện trong nhiều tháng qua. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu tiếp đà tăng, tuy nhiên mức độ tăng có phần thu hẹp và nhỏ hơn so với tổng số lượng đơn đặt hàng mới. Theo đó, sản lượng sản xuất kéo dài chuỗi tăng 14 tháng liên tiếp và tốc độ tăng nhanh nhất kể từ tháng 2. Trong bối cảnh đó, chi phí đầu vào vẫn tiếp tục tăng mạnh trong tháng 6 nhưng tốc độ tăng đã có phần chậm hơn nhiều so với tháng 5, nguyên nhân chính vẫn đến từ tình trạng khan hiếm nguồn cung nguyên vật liệu và chi phí vận chuyển tăng.

Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)



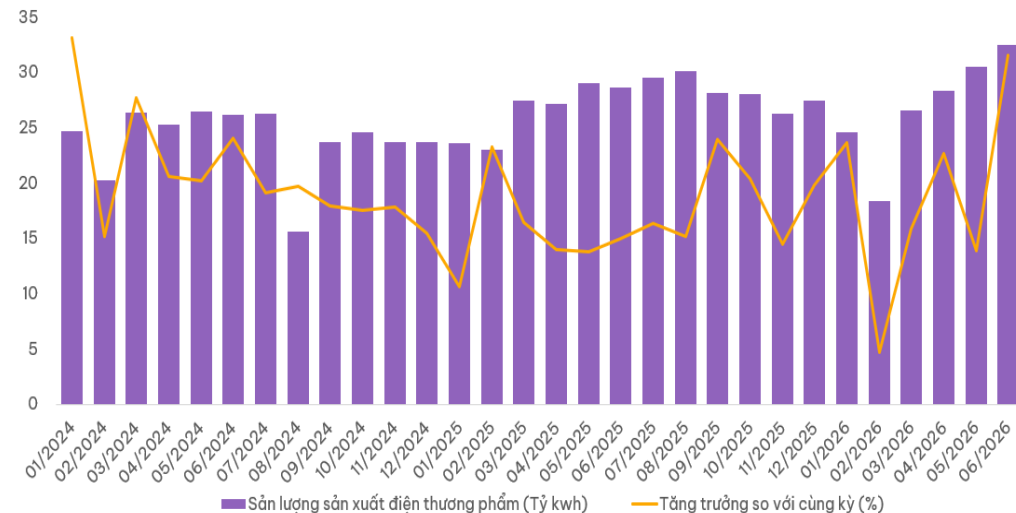
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)



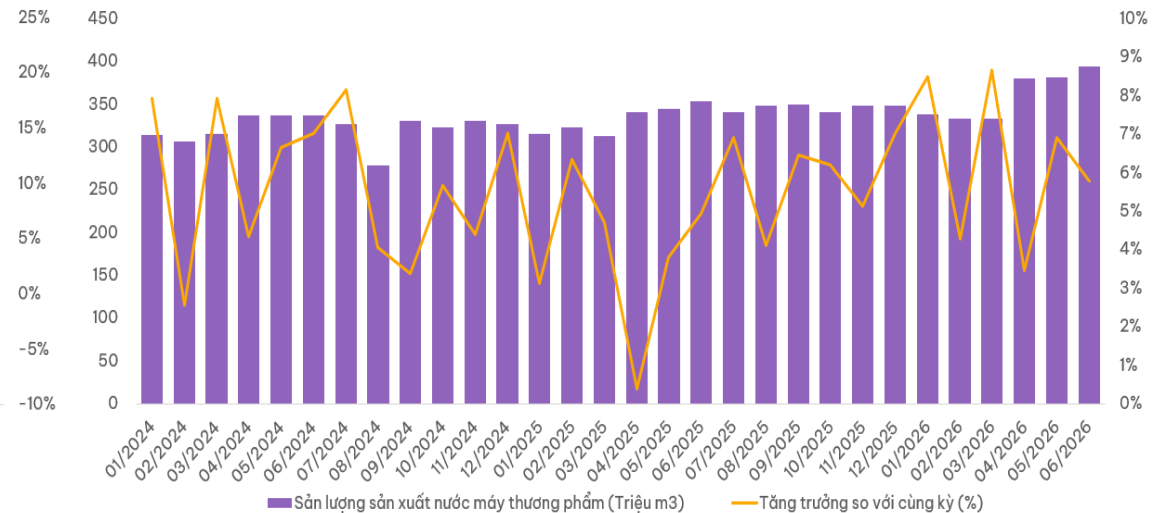
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)



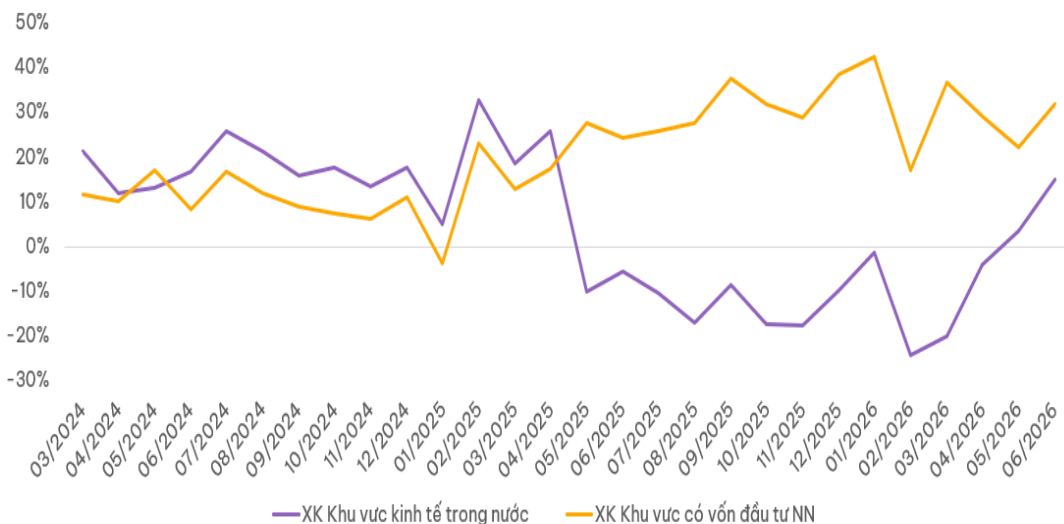
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)



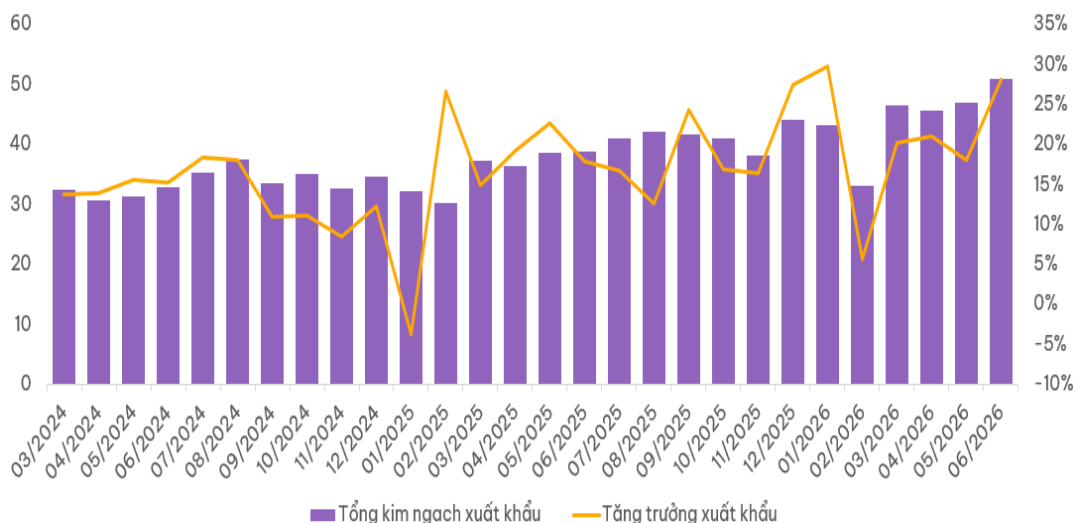
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)



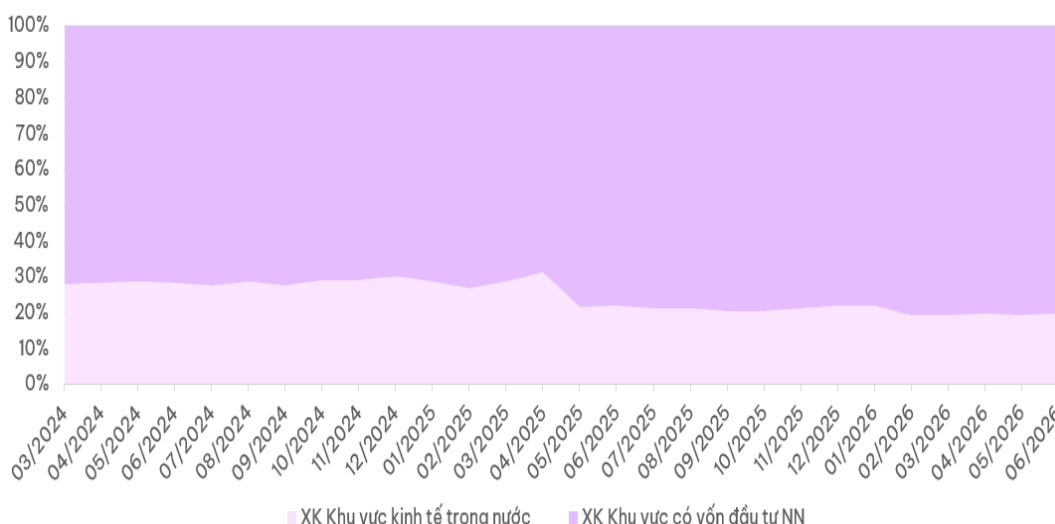
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

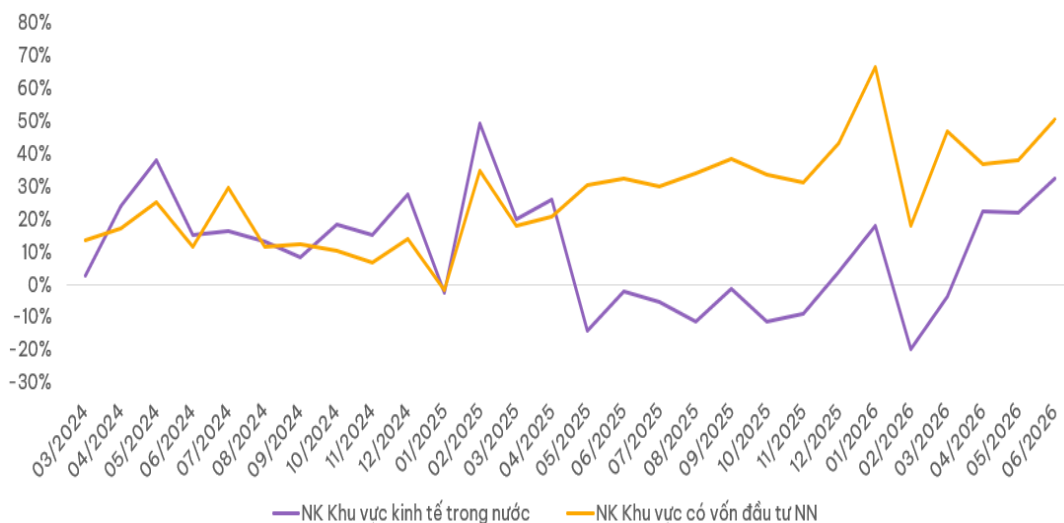
Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

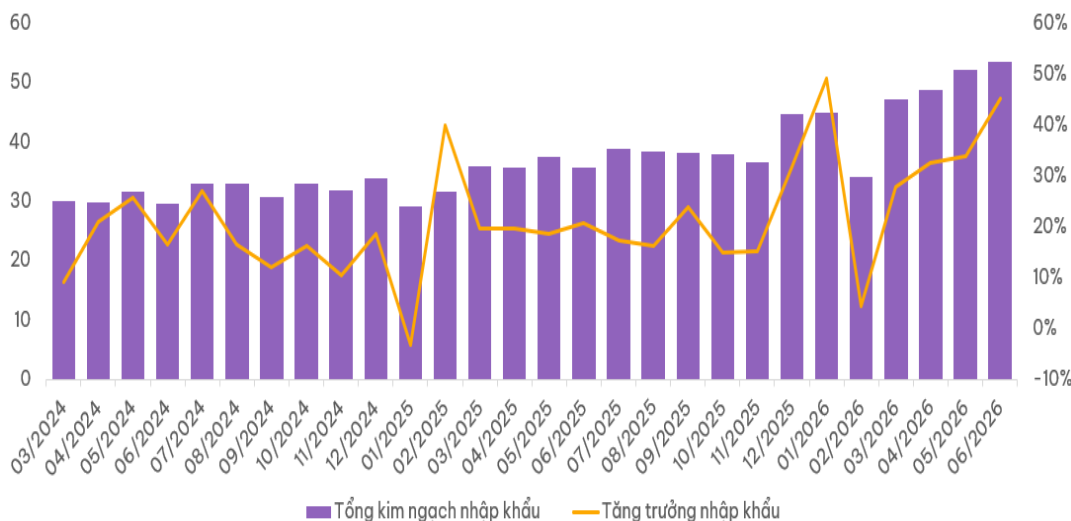
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T6/2026 ước đạt 50,79 tỷ USD, tăng 8,2% so với tháng trước và tăng 28,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong quý II/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 143,6 tỷ USD, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 16,8% so với quý I/2026.
- Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 266,52 tỷ USD, tăng 21,0% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 10 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+49,1% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+23,6% YoY); Điện thoại các loại và linh kiện (+17,8% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 26% với giá trị xuất khẩu đạt 213,01 tỷ USD – chiếm 79,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng nhẹ 4,6% với giá trị xuất khẩu đạt 53,51 tỷ USD – chiếm 20,1% tổng kim ngạch.

Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)



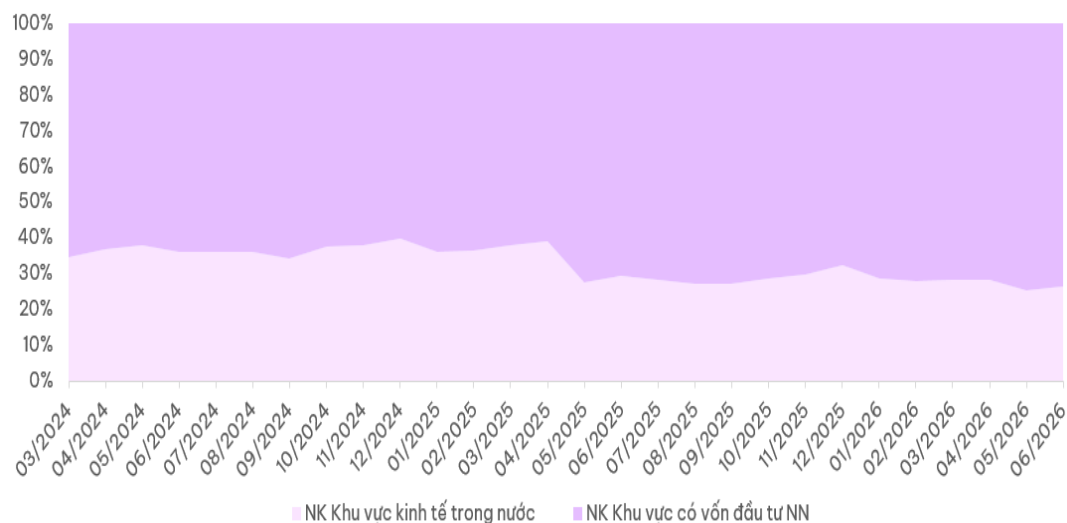
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

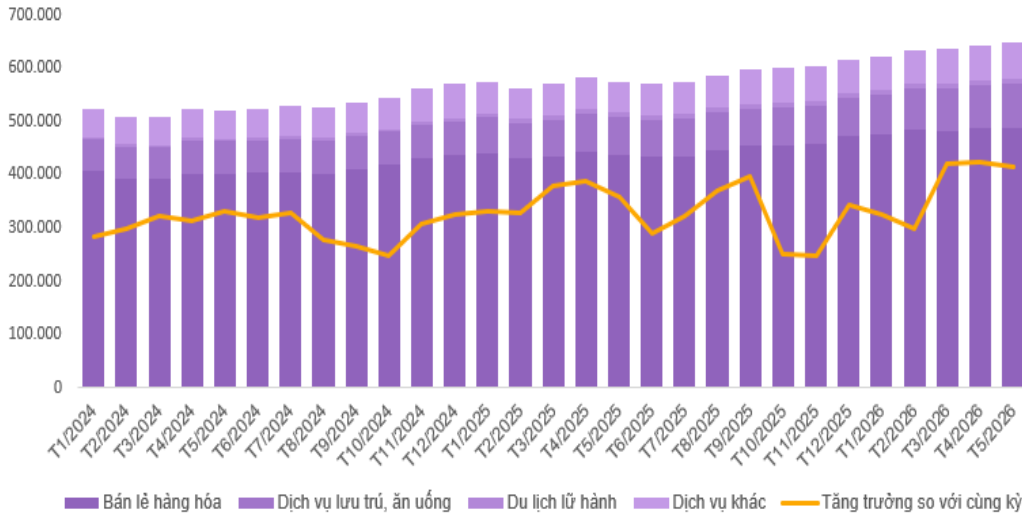
Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T6/2026 ước đạt 53,43 tỷ USD, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 45,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong quý II/2026, kim ngạch nhập khẩu đạt 156,6 tỷ USD, tăng 39,1% so với cùng kỳ năm trước và tăng 23,7% so với quý I/2026.
- Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 283,17 tỷ USD, tăng 33,4% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 10 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+62% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+22,9% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 37,3% với giá trị nhập khẩu đạt 204,71 tỷ USD – chiếm 72,3% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng 24,3% với giá trị nhập khẩu đạt 78,46 tỷ USD – chiếm 27,7% tổng kim ngạch.

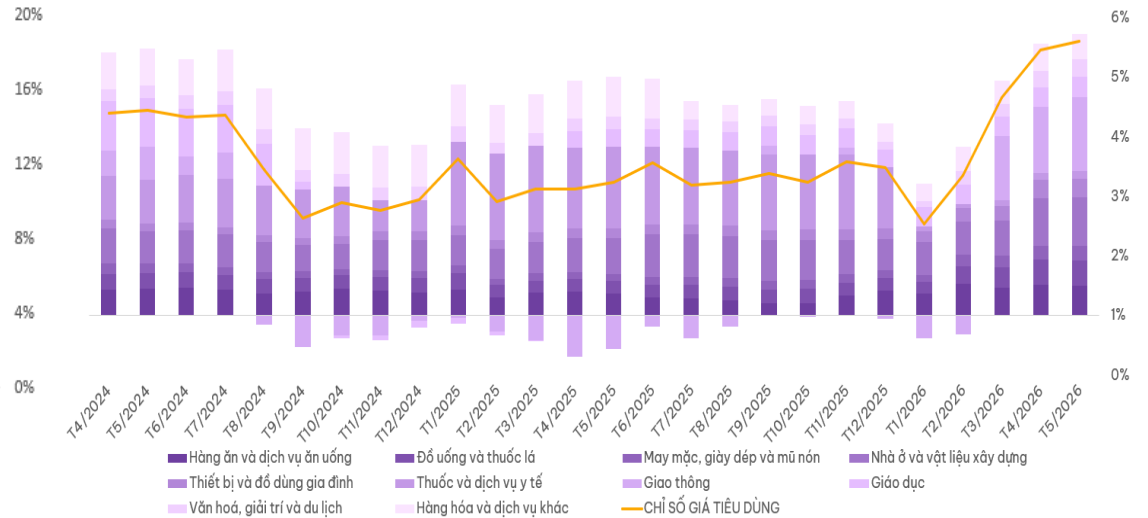
Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Sáu năm 2026 ước đạt 665,6 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa một số nhóm hàng tiếp tục duy trì xu hướng tăng: Ô tô các loại tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 0,7% so với cùng năm trước; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 1,4% và tăng 17,1%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 0,8% và tăng 11,9%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 0,6% và tăng 13,1%; hàng may mặc tăng 0,4% và tăng 11,7%. Một số nhóm hàng thiết yếu có xu hướng chững lại so với tháng trước: Doanh thu nhóm hàng đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 0,6% so với tháng trước và tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước; nhóm hàng lương thực, thực phẩm tương đương với tháng trước và tăng 11,3%. Dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước; du lịch lữ hành tăng 1,7% và tăng 24,9%; các nhóm hàng hóa dịch vụ khác tăng 3,8% và tăng 17,9%.
- Trong quý II/2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1.977,6 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% so với quý trước và tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.889,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,3% (năm 2025 tăng 7,4%).
- Doanh thu bán lẻ hàng hóa sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 2.941,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,6% tổng mức và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm hàng đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 31,3%; xăng, dầu các loại tăng 15,3%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 13,2%; hàng may mặc tăng 12,5%; lương thực, thực phẩm tăng 11,2%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 10,1%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 9,4%.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 493,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,7% tổng mức và tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu du lịch lữ hành sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 49,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng mức và tăng 15,0% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu dịch vụ khác sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 404,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,4% tổng mức và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2026 giảm 0,39% so với tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu giảm theo giá nhiên liệu thế giới. CPI tháng Sáu tăng 3,21% so với tháng 12/2025 và tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với quý II/2025. Bình quân sáu tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12%. Trong mức giảm 0,39% của CPI tháng 6/2026 so với tháng trước có 04 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm và 07 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng.

+ Cụ thể, 04 nhóm hàng giảm giá như sau:

- Nhóm giao thông giảm mạnh 4,85% so với tháng trước (góp phần làm CPI chung giảm 0,48 điểm phần trăm). Trong đó, chỉ số giá xăng giảm 10,05%; chỉ số giá dầu diesel giảm 10,63% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước theo diễn biến giá thế giới. Cùng với đó, giá vận tải đường hàng không giảm 11,62%; vận tải hành khách bằng đường thủy giảm 0,21%; vận tải hàng khách bằng đường bộ giảm 0,08%. Ngược lại, chỉ số giá một số nhóm hàng tăng so với tháng trước: Phụ tùng phương tiện giao thông tăng 0,37% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng; bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,31%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,09% so với tháng trước do nguồn cung hàng hóa dồi dào, nhiều chương trình khuyến mại được triển khai. Trong đó, chỉ số giá giày dép giảm 0,15%; quần áo may sẵn giảm 0,10%; may mặc khác (găng tay, cà vạt và bít tất) giảm 0,07%. Ở chiều ngược lại, vải các loại tăng 0,45%; dịch vụ may mặc tăng 0,50%; dịch vụ giày dép tăng 0,74%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,07% so với tháng trước (góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm), trong đó: Lương thực giảm 0,78%, thực phẩm giảm 0,05%, ăn uống ngoài gia đình tăng 0,27%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,06%, chủ yếu do giá đồ trang sức giảm 8,01% theo diễn biến giảm của giá vàng trong nước.

+ Bảy nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm:

- Nhóm giáo dục tăng nhẹ 0,01%, chủ yếu do một số cơ sở giáo dục và trung tâm đào tạo điều chỉnh tăng học phí dạy thêm.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03% do chi phí nhập khẩu nguyên liệu dược tăng khi tỷ giá tăng. Trong đó, nhóm thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,16%; nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm không steroid, thuốc điều trị gút và các bệnh xương tăng 0,15%; nhóm thuốc chống dị ứng và nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp cùng tăng 0,09%.

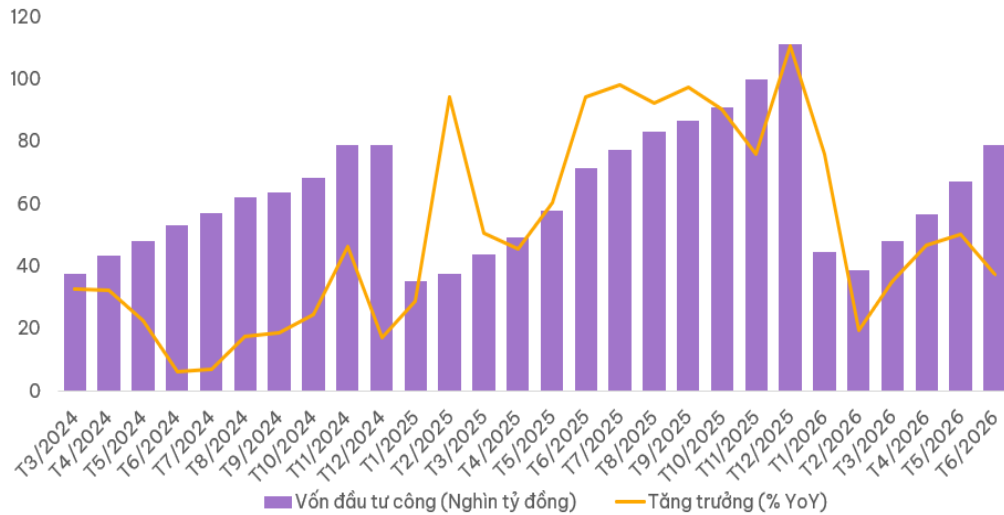
- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,04%. Trong đó, giá ti vi tăng 0,27%; máy vi tính, phụ kiện và dịch vụ sửa chữa điện thoại cùng tăng 0,21%; máy điện thoại di động thông thường tăng 0,14%; máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,11%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,10%. Ngược lại, giá phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,43%; máy điện thoại cố định giảm 0,24%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,13% do chi phí sản xuất và nhu cầu tiêu dùng tăng trong mùa nắng nóng. Trong đó, giá nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,46%; nước quả ép tăng 0,45%; nước khoáng tăng 0,14%; thuốc hút tăng 0,23%; rượu các loại tăng 0,11%; bia các loại tăng 0,09%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,17% do chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công tăng. Trong đó, giá quạt điện tăng 0,32%; gương, đồng hồ treo tường, đế bàn tăng 0,31%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,30%; hàng dệt trong nhà tăng 0,28%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,25%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,24%; đèn điện thấp sáng tăng 0,23%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,21%. Ở chiều ngược lại, giá bàn là điện giảm 0,49%; bếp gas giảm 0,34%; ấm, phích nước điện giảm 0,21%.

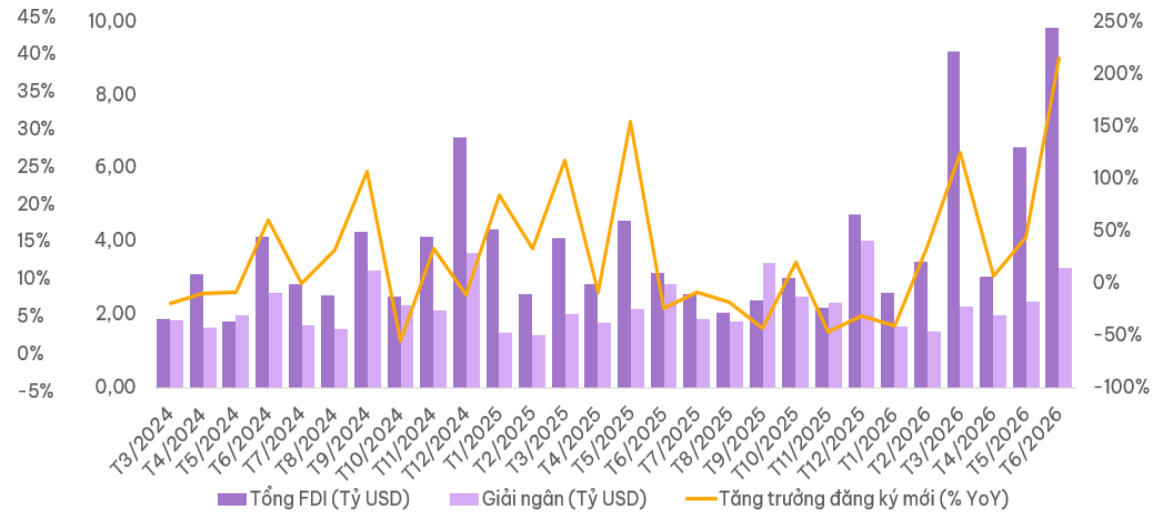
- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,46% (tác động làm tăng CPI chung 0,10 điểm phần trăm), chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau: Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,10% do giá gạch, cát, đá tăng khi nguồn cung hạn chế, chi phí sản xuất, vận chuyển tăng; giá thuê nhà tăng 0,11% do chi phí quản lý, bảo trì, sửa chữa tăng khiến nhiều chủ nhà điều chỉnh giá thuê; giá dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,11%; giá điện sinh hoạt tăng 2,0%, giá nước sinh hoạt tăng 0,56% do nhu cầu sử dụng điện, nước tăng khi thời tiết nắng nóng. Ở chiều ngược lại, giá gas đun tiếp tục giảm 2,43% sau khi tăng mạnh vào tháng 4/2026; giá dầu hỏa giảm 17,72% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.
- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,66%. Trong đó, nhóm du lịch trọn gói tăng 1,10% (du lịch trong nước tăng 1,15%; du lịch ngoài nước tăng 0,23%) do nhu cầu du lịch hè tăng cùng với chi phí tổ chức tour tăng, đặc biệt là chi phí di chuyển, lưu trú và dịch vụ du lịch; khách sạn, nhà khách tăng 1,15%; dịch vụ thể thao tăng 0,46%; đồ chơi trẻ em tăng 0,25%; dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 0,14%.
- CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá tất cả các nhóm tiêu dùng chính đều tăng: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,04%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,77%; giao thông tăng với 9,57%; giáo dục tăng 3,38%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,27%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,98%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,17%.
- Lạm phát cơ bản tháng 6/2026 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân sáu tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,38% của CPI bình quân chung, chủ yếu là do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

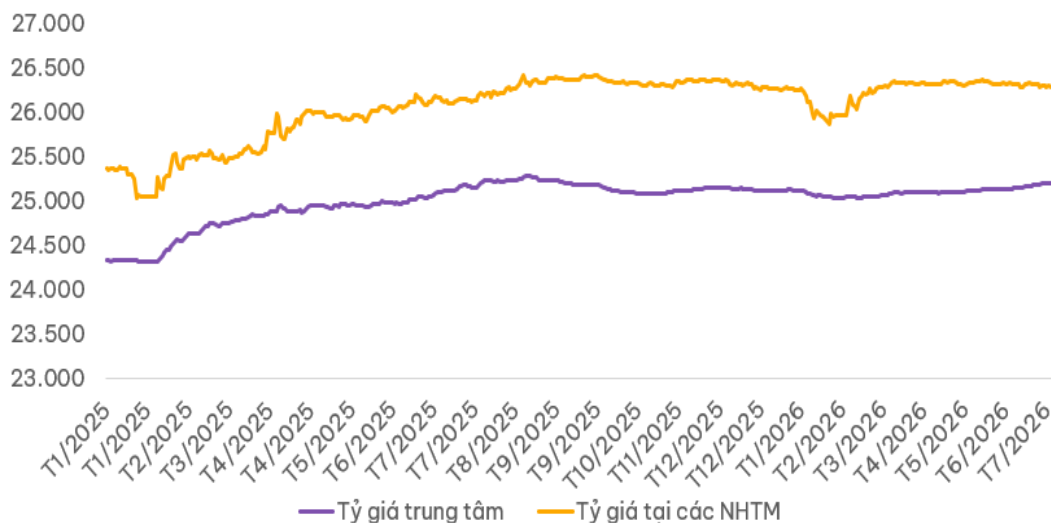
Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý II/2026 theo giá hiện hành ước đạt 1.059,5 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 301,6 nghìn tỷ đồng, tăng 13,2%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 566,9 nghìn tỷ đồng, tăng 14,3%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 191,0 nghìn tỷ đồng, tăng 14,8%. Ước tính sáu tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.807,8 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước.
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 6/2026 ước đạt 79 nghìn tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Theo cấp quản lý, vốn Trung ương quản lý ước đạt hơn 19 nghìn tỷ đồng, tăng 36% MoM; vốn địa phương quản lý đạt 65 nghìn tỷ đồng, tăng 14% MoM. Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 335 nghìn tỷ đồng, bằng 31,2% kế hoạch năm và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 29,3% và tăng 22,6%).
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/6/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký cấp mới có 2.013 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 17,39 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 87,2% về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 10,76 tỷ USD, chiếm 61,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 3,08 tỷ USD, chiếm 17,7%; các ngành còn lại đạt 3,55 tỷ USD, chiếm 20,4%.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của sáu tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 10,76 tỷ USD, chiếm 82,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 965,2 triệu USD, chiếm 7,4%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 479,2 triệu USD, chiếm 3,7%.

Hình 18: Tỷ giá USD/VND



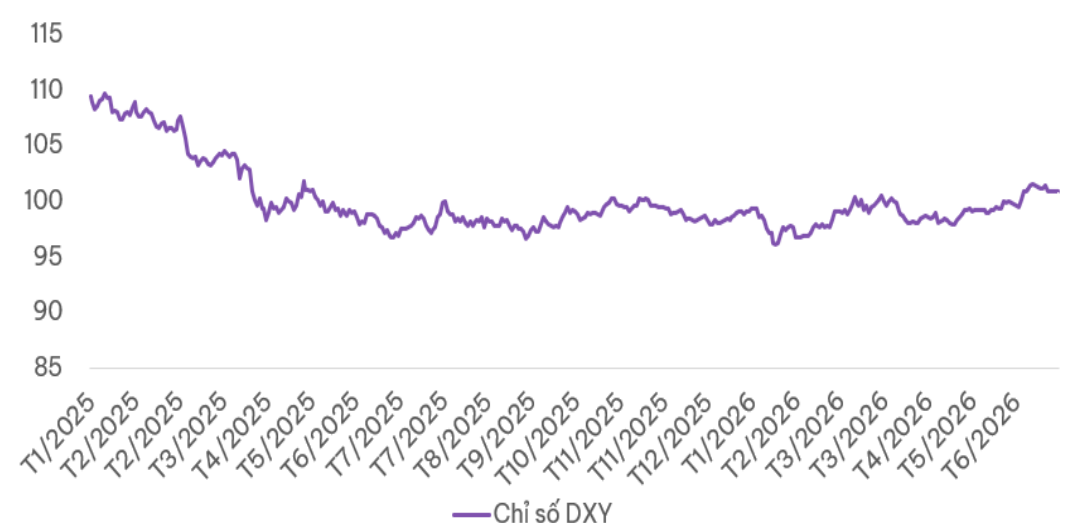
Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 20: Giá vàng thế giới



Nguồn: VikkiBankS Research

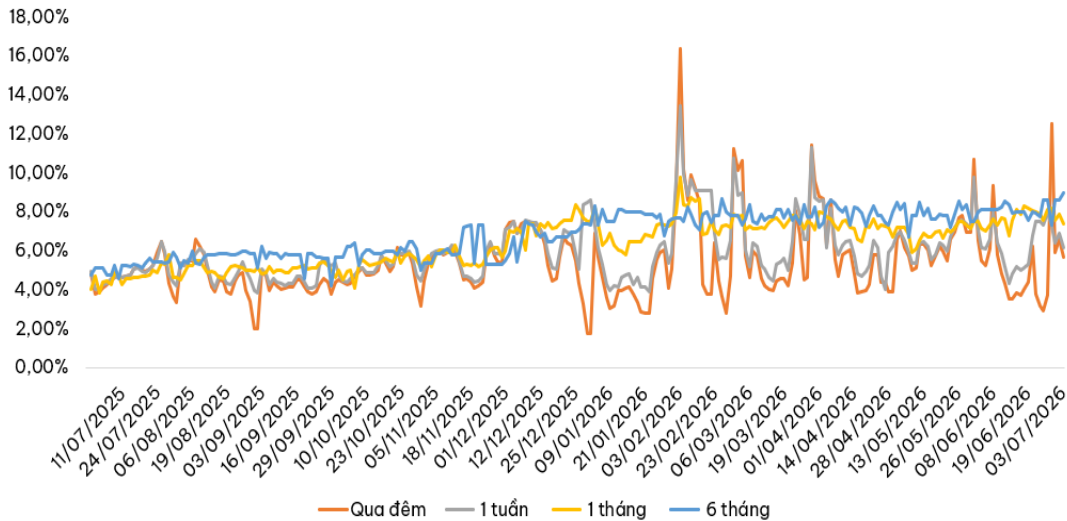
Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: VikkiBankS Research

- Tính đến ngày 25/6/2026, chỉ số DXY trên thị trường quốc tế bình quân tháng Năm đạt mức 100,05 điểm, tăng 1,42 điểm so với tháng Năm do thị trường kỳ vọng FED tiếp tục duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ, trong bối cảnh kinh tế Hoa Kỳ duy trì tăng trưởng và lãi suất ở mức cao, qua đó làm tăng nhu cầu nắm giữ đồng USD. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 26.640 VND/USD.
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/6/2026, bình quân tháng Sáu, giá vàng thế giới ở mức 4.284 USD/ounce, giảm 7,05% so với tháng Năm. Trong tháng Năm, giá vàng thế giới giảm do hoạt động chốt lời sau thời gian tăng mạnh trước đó cùng với sự chuyển dịch nhu cầu nắm giữ tài sản trú ẩn sau khi đồng đô la Mỹ tăng giá bởi kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng Sáu giảm 8,46% so với tháng Năm; tăng 24,11% so với cùng kỳ năm trước; giảm 2,72% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 36,84% so với cùng kỳ năm trước; bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 58,12% so với cùng kỳ năm trước.

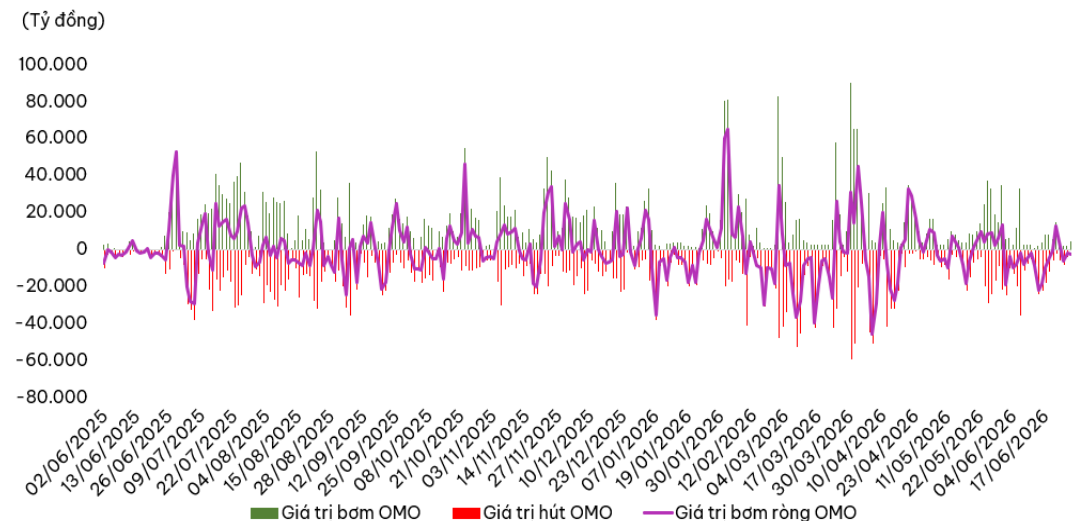
Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: VikkiBankS Research

- Lãi suất liên ngân hàng duy trì xu hướng vận động ổn định trong tháng 6, mặt bằng lãi suất của các kỳ hạn dưới 6 tháng dao động chủ yếu trong vùng 3-8,5%. Diễn biến đồng thuận giữa các kỳ hạn cho thấy cung - cầu vốn ngắn hạn dần cân bằng hơn, trong khi nhu cầu vay mượn giữa các tổ chức tín dụng không còn ở trạng thái căng thẳng như giai đoạn đầu quý 1/2026. Mặc dù vẫn xuất hiện một số nhíp tăng mang tính kỹ thuật trong ngắn hạn, nhưng xu hướng chung của thanh khoản hệ thống hiện vẫn duy trì ổn định. Trong bối cảnh áp lực từ tỷ giá và các yếu tố khác không đổi, lãi suất liên ngân hàng được kỳ vọng sẽ tiếp tục vận động quanh vùng hiện tại, qua đó hỗ trợ chi phí vốn và góp phần củng cố tâm lý trên thị trường tài chính.
- Trong tháng 6/2026, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành thị trường mở (OMO) theo hướng linh hoạt và chủ động, với các hoạt động bơm - hút vốn được triển khai đan xen nhằm duy trì trạng thái thanh khoản ổn định cho hệ thống. Các đợt bơm ròng được thực hiện kịp thời trong những thời điểm thanh khoản có dấu hiệu thu hẹp (tại các phiên đầu và cuối tháng NHNN bơm ròng mạnh, trùng với mức tăng đột biến của lãi suất qua đêm), góp phần hạn chế biến động quá mức của lãi suất liên ngân hàng. Nhìn chung, OMO tiếp tục phát huy vai trò là công cụ điều tiết hiệu quả, bên cạnh việc NHNN kích hoạt nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ (FX Swap) vào ngày 26/6 với quy mô tối đa 1 tỷ USD, kỳ hạn 7 ngày (ước tính theo tỷ giá mua, kênh hoán đổi có thể đưa khoảng 23.991 tỷ đồng vào hệ thống nếu sử dụng hết hạn mức) với mục đích hỗ trợ thanh khoản và giữ ổn định nguồn dự trữ ngoại hối nhằm mục tiêu hỗ trợ tỷ giá trước nguy cơ đồng USD có thể tiếp tục mạnh lên trong tương lai.

Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)

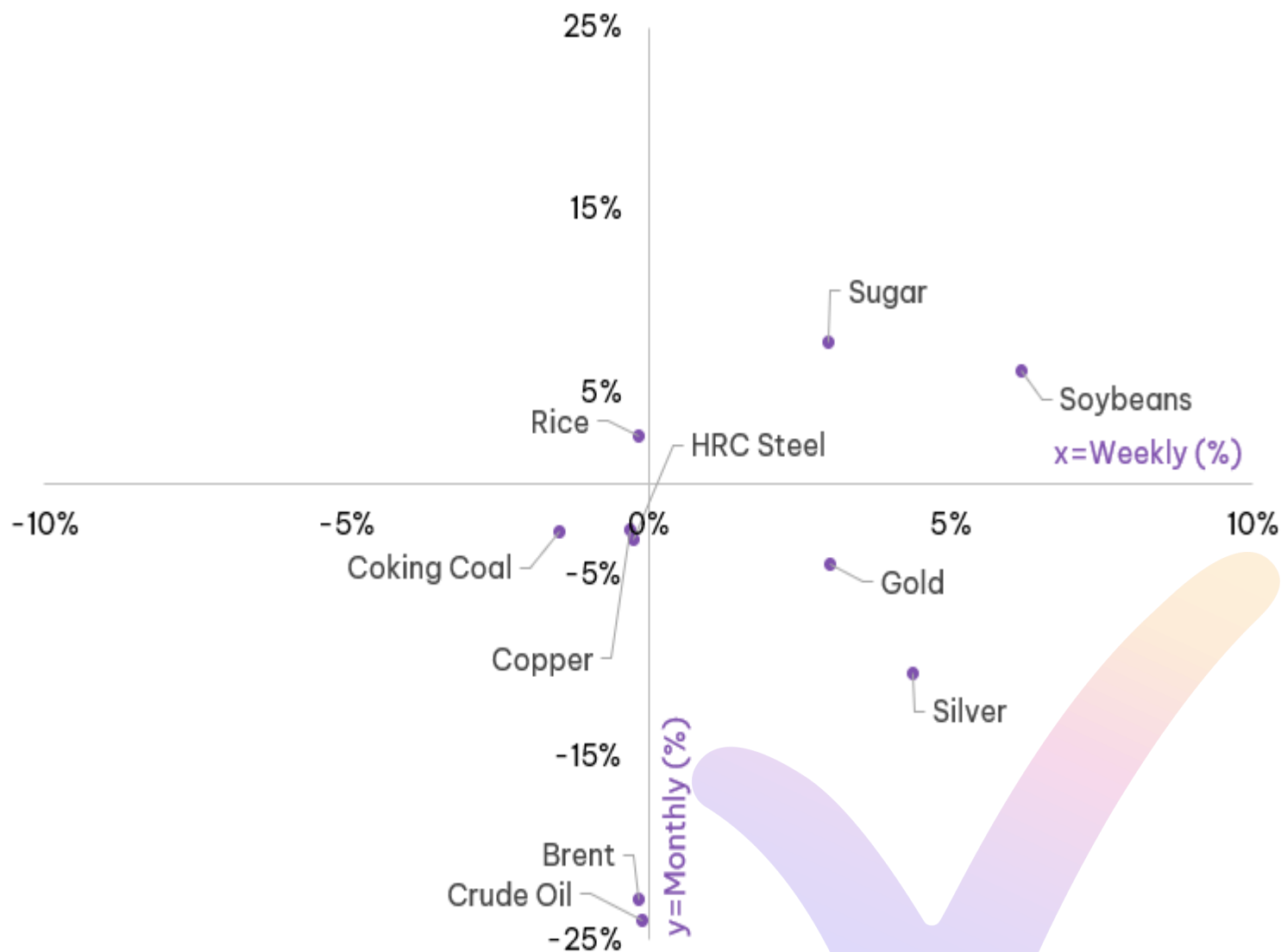


Nguồn: VikkiBankS Research

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 06-2026

Thứ Ba, 07 Tháng Bảy 2026

Name	Price	YoY
Crude Oil (USD/bbl)	69,43	1,61%
Brent (USD/bbl)	72,84	3,83%
Coking Coal (USD/t)	239,67	36,18%
Gold (USD/t.oz)	4.128,43	25,05%
Silver (USD/t.oz)	61,06	66,16%
Copper (USD/lbs)	6,17	9,37%
HRC Steel (USD/t)	1.162,96	30,67%
Sugar (USD/lbs)	15,22	-6,30%
Soybeans (USD/bu)	1.185,50	15,74%
Coffee (USD/lbs)	349,95	25,57%
Rice (USD/cwt)	12,80	0,95%



Nguồn: Tradingeconomics, VikkiBankS Research

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.